

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: **43/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/9/2020

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG -TỈNH BÌNH THUẬN

-Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Văn Lầy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Di

2. Ông Phạm Lê Thụy

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Văn Hồng Lễ - Cán bộ Tòa án nhân dân Huyện Tuy Phong.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 về việc: “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Nhật H** – sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn V, xã T, Huyện P, tỉnh Bình Thuận;

2. Bị đơn: Bà **Lê Thị Xuân H1** – sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn V, xã T, Huyện P, tỉnh Bình Thuận;

(Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 04/6/2020 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Trần Nhật H trình bày: ông và bà Lê Thị Xuân H1 tự nguyện xác lập quan hệ vợ

chồng năm 2010 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương yêu nhau, hai bên gia đình không có tổ chức lễ cưới hỏi, vợ chồng ông có đến UBND xã T để đăng ký kết hôn (theo giấy chứng nhận kết hôn số 23/2010, quyền số: 01, ngày 26/8/2010).

Sau khi xác lập quan hệ, vợ chồng sống nhờ nhà người khác ở xã T. Trong cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do làm ăn khó khăn, bất đồng quan điểm, nên ông đến Đà Lạt làm thuê, còn bà H1 vẫn ở T, trong thời gian này ông cũng thường xuyên điện thoại hỏi thăm bà H1. Đến cuối năm 2018 ông trở về quê sinh sống cùng với bà H1, nhưng khi về thì ông không gặp bà H1, ông không hiểu lý do vì sao bà H1 bỏ nhà đi, khi đi bà không báo chính quyền địa phương biết, ông có liên lạc nhưng không được, từ đó ông và bà H1 ly thân cho đến nay.

Bản thân ông nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, hôn nhân không đạt mục đích nên tôi quyết định ly hôn. Mong Tòa xem xét theo nguyện vọng của ông.

Về con chung: ông và bà Lê Thị Xuân H1 không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không có

Bị đơn bà Lê Thị Xuân H1 đã được Tòa án nhân dân Huyện P liên hệ nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng bà không đến Tòa, cho nên Tòa án không ghi được lời khai của bà H1.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Huyện P phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn sự đã thực hiện đúng Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn không thực hiện đúng Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không đến Tòa căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

-Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Nhật H. Ông Trần Nhật H được ly hôn với bà Lê Thị Xuân H1.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: không có.
- Về án phí: Ông Trần Nhật H (sinh năm 1951) đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Quá trình, giải quyết vụ án, bà Lê Thị Xuân H1 đã được Tòa án liên hệ nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng bà không đến Tòa. Tòa án đã xác định địa chỉ của bà đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho bà H1, do bà H1 vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa ông Trần Nhật H và bà Lê Thị Xuân H1 được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, Huyện P, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống ông và bà H1 bất đồng quan điểm sống nên ông bỏ đi Đà Lạt làm thuê, còn bà H1 vẫn ở T sinh sống. Đến cuối năm 2018 ông trở về lại thì bà H1 đã tự bỏ đi khỏi địa phương đi cho đến nay. Ông không còn tình cảm với bà H1 nữa nên kiên quyết xin được ly hôn với bà Lê Thị Xuân H1.

Bà H1 không hợp tác khi Tòa mời làm việc, bà có biết ông H làm đơn ly hôn bà nhưng bà bỏ mặc không quan tâm gì đến ý kiến của ông H hay quyền lợi của mình, thực tế ông H và bà H1 đã ly thân nhau một thời gian dài, không ai quan tâm đến ai và vợ chồng không thể hàn gắn được, bà H1 đã vi phạm nghĩa vụ. Chứng tỏ, cuộc sống vợ chồng ông H và bà H1 đã thực sự đổ vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho ông H được ly hôn với bà H1.

[3] Về con chung: Ông và bà H1 không có con.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án nên ông H được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19; Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

[2] Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Nhật H. Ông Trần Nhật H được ly hôn với bà Lê Thị Xuân H1.

[3] Về con chung: không có

[4] Về án phí: ông Trần Nhật H thuộc trường hợp miễn nộp tiền án phí.

[5] Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND Huyện P;
- Chi cục THADS Hện P;
- UBND xã (Thị trấn);
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Văn Lầy

